

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HN-ST
Ngày: 03- 02 - 2021
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi
2. Ông Nguyễn Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Xuân S - Sinh năm: 1994 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định;

2. Bị đơn: Trần Hoàng L - Sinh năm: 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân S trình bày:*

Chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/8/2018 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh B. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường đến tháng 10 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường xuyên cờ bạc, cá độ bóng đá, không biết lo kinh tế gia đình, chị khuyên anh nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì trầm trọng nên đã

sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: chị xác định không có.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có.

* *Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Hoàng L* đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh L không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và không tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị S về việc xin ly hôn*; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị S và anh L có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2018 nên quan hệ hôn nhân của chị S và anh L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị S trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường xuyên cờ bạc, cá độ bóng đá, không biết lo kinh tế gia đình, chị khuyên anh nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì trầm trọng đã sống ly thân. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị S và anh L đã có mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh L không tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy anh L cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị S. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: chị S trình bày anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị S trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân S.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Xuân S được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

2. Về án phí: Chị S phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49527 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Chị S, anh L có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã N,
- thị xã A, B;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

